

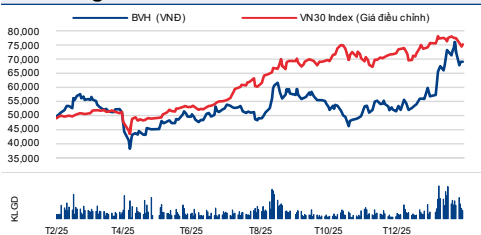
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ66,100
Tiềm năng tăng/giảm: -5.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/1/2026)	69,800
Mã Bloomberg	BVH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	38,365-76,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	68,900
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	51,814
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,998
Sig CP lưu hành (tr.đv)	742
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	364
Sig CP NN được mua (tr.đv)	163
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.0%
Tỷ lệ freefloat	10.0%
Cổ đông lớn	Bộ Tài Chính (65.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Phí BH gốc (nghìn tỷ đ)	42.6	43.5	44.9
DT thuần HDBH (ntđ)	39.8	40.7	41.8
CP trực tiếp HDBH (ntđ)	(40.8)	(38.8)	(39.2)
Lãi/lỗ gộp HD BH (ntđ)	(0.97)	1.96	2.64
LN HD tài chính (ntđ)	10.6	11.0	12.3
Lợi nhuận thuần (ntđ)	2.11	2.76	3.83
EPS (đồng)	2,786	3,650	5,058
DPS (đồng)	1,000	1,055	1,460
BVPS (đồng)	30,434	32,827	36,426
T. trưởng DT HDBH (%)	(0.55)	2.10	2.70
Tăng giảm BT & DP (%)	(4.74)	(6.53)	1.06
Tăng trưởng EPS (%)	18.3	31.0	38.6
Tăng trưởng DPS (%)	5.09	5.50	38.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	35.2	28.3	28.3
ROAE (%)	9.61	11.8	14.9
ROAA (%)	0.89	1.05	1.35
Vốn CSH/Tài sản (%)	8.99	8.84	9.22
Tỷ lệ tái bảo hiểm (%)	8.30	8.38	8.74
Tỷ lệ bảo hiểm giữ lại (%)	91.7	91.6	91.3
Tỷ lệ bồi thường (%)	92.2	84.3	82.9
P/E (lần)	24.6	18.7	13.5
P/B (lần)	2.29	2.13	1.92
Lợi suất cổ tức (%)	1.43	1.51	2.09

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

BVH là tập đoàn bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ hàng đầu Việt Nam

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q4 tăng 51,5%, vượt dự báo của chúng tôi

- LNTT Q4/2025 tăng 51,5% nhờ thu nhập đầu tư tăng và tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm tốt hơn dự báo. LNTT cả năm 2025 tăng trưởng 39,3% đạt 3.714 tỷ đồng, hoàn thành 106,9% dự báo của chúng tôi.
- Doanh thu thuần vẫn tăng trưởng khiêm tốn với phí bảo hiểm tăng 1,4% trong Q4/2025 và tăng trưởng 3,1% trong năm 2025, sát với dự báo của chúng tôi. Tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm tăng 1,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ, tốt hơn kỳ vọng. Lợi suất đầu tư gộp ổn định so với quý trước ở mức 5,6%.
- Sau khi tăng 17,5% trong 1 tháng qua, giá cổ phiếu BVH đã vượt giá mục tiêu của chúng tôi với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,9 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 vào ngày 30/1/2026

BVH đã công bố KQKD Q4/2025 và cả năm 2025. Lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ và cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi, chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm tốt hơn dự báo trong khi doanh thu & thu nhập từ đầu tư nhìn chung sát với kỳ vọng.

LNTT Q4/2025 tăng 51,5% so với cùng kỳ

LNTT Q4/2025 đạt 1.062 tỷ đồng, tăng 51,5% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ thu nhập đầu tư tăng, trong khi tỷ suất lợi nhuận bảo hiểm cải thiện nhẹ. Tính chung cả năm 2025, LNTT tăng trưởng 39,3% đạt 3.714 tỷ đồng, tương đương 106,9% dự báo cả năm, chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm cải thiện 1,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ, vượt kỳ vọng của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, BVH

LNTT Q4/2025 tăng 51,5% so với cùng kỳ nhờ lợi nhuận mảng bảo hiểm và thu nhập từ đầu tư tăng lên

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% HSCF
Phí BH nhân thọ	8,482	8,443	-0.5%	32,159	32,642	1.5%	100.7%
Phí BH phi nhân thọ và phí nhận tái BH	2,729	2,924	7.1%	10,650	11,474	7.7%	99.8%
Tổng phí BH	11,211	11,366	1.4%	42,809	44,116	3.1%	100.4%
Doanh thu phí BH	10,282	10,332	0.5%	39,126	40,133	2.6%	100.5%
Doanh thu mảng BH	10,467	10,550	0.8%	39,823	40,934	2.8%	100.5%
Lợi nhuận gộp mảng BH	67	217	224.0%	-969	1,631	268.3%	83.1%
Lợi nhuận mảng BH (bao gồm chi phí BH&QL)	-1,910	-1,869	2.1%	-8,040	-7,489	6.9%	97.5%
Thu nhập từ đầu tư	3,061	3,599	17.6%	12,196	13,518	10.8%	100.9%
LNTT	700	1,062	51.5%	2,663	3,714	39.3%	106.9%
Chỉ số quan trọng	Q4/24	Q4/25	Thay đổi (điểm %)	2024	2025	Thay đổi (điểm %)	2025 HSCF
Tỷ lệ chi phí BH nhân thọ	99.2%	97.3%	-1.9	103.0%	95.1%	-7.9	94.5%
Tỷ lệ tổn thất BH phi nhân thọ	58.8%	56.9%	-1.9	49.6%	49.1%	-0.6	47.1%
Tỷ lệ chi phí (gộp)	26.1%	28.5%	2.4	26.7%	32.0%	5.3	33.3%
Tỷ suất lợi nhuận HDKD BH (gộp)	-18.6%	-18.1%	0.5	-20.6%	-18.7%	1.9	-19.2%
Lợi suất đầu tư	5.5%	5.6%	0.1	5.7%	5.4%	-0.2	5.6%

Nguồn: BVH, HSC

Tổng phí bảo hiểm tăng 1,4% trong Q4/2025 và 3,1% trong năm 2025

Tổng phí bảo hiểm tăng 1,4% so với cùng kỳ trong Q4/2025 và tăng trưởng 3,1% trong năm 2025. Trong Q4/2025, phí bảo hiểm nhân thọ nhìn chung đi ngang so với cùng kỳ, trong khi phí bảo hiểm phi nhân thọ và phí tái bảo hiểm tăng 7,1% so với cùng kỳ. Phí bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng trở lại sau khi giảm 4% so với cùng kỳ trong Q3/2025 do các kênh phân phối bắt đầu thích nghi với các sản phẩm mới, sát với dự báo của chúng tôi.

Trong năm 2025, phí bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng 1,5%, cao hơn một chút so với bình quân thị trường (tăng trưởng 0,5%), trong khi phí bảo hiểm phi nhân thọ (không bao gồm phí nhận tái bảo hiểm) tăng trưởng 6,2%, thấp hơn bình quân thị trường (tăng trưởng 10,3%).

Nhìn chung, doanh thu sát với dự báo của chúng tôi.

Tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm tốt hơn kỳ vọng

Tỷ lệ chi phí bảo hiểm nhân thọ và tỷ lệ tổn thất bảo hiểm phi nhân thọ đều cải thiện so với cùng kỳ, mặc dù thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi. Tỷ lệ chi phí bán hàng, quản lý tăng so với cùng kỳ nhưng tốt hơn kỳ vọng. Tổng thể, tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm đã cải thiện 1,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ, vượt dự báo của chúng tôi.

HSC tin rằng BVH vẫn còn dư địa để giảm tỷ lệ dự phòng của mảng bảo hiểm nhân thọ nếu mặt bằng lãi suất tiếp tục tăng, mặc dù điều này sẽ phụ thuộc vào các quyết định chính sách nội bộ. Trong dự báo hiện tại, chúng tôi giả định tỷ suất lợi nhuận mảng bảo hiểm vẫn ổn định trong năm 2026 và động lực tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu đến từ thu nhập đầu tư.

Lợi suất đầu tư ổn định so với quý trước, thu nhập đầu tư tăng 17,6%

Lợi suất đầu tư nhìn chung ổn định ở mức 5,6% so với quý trước, tăng khoảng 10 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Thu nhập đầu tư gộp tăng 17,6% so với cùng kỳ trong Q4/2025 nhờ quy mô tài sản đầu tư tăng 16,4% so với cùng kỳ. BVH đã tăng nhẹ tỷ lệ đòn bẩy trong quý và giúp nâng cao quy mô tiền mặt & tài sản đầu tư. Phân bổ tài sản vẫn ổn định so với quý trước với 56% tiền mặt & tiền gửi, 40% trái phiếu, 4% cổ phiếu & các khoản đầu tư khác.

Trong năm 2025, thu nhập đầu tư gộp tăng 10,8% so với cùng kỳ, trong đó quy mô tài sản đầu tư tăng trưởng 16% mặc dù lợi suất đầu tư giảm 20 điểm cơ bản, nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi. Trong năm 2026, chúng tôi hiện giả định lợi suất bình quân sẽ tăng lên 5,7% (tăng khoảng 30 điểm cơ bản), chủ yếu do mặt bằng lãi suất tiền gửi tăng lên (tăng bình quân 50 điểm cơ bản).

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi tăng 17,5% trong 1 tháng qua, giá cổ phiếu BVH đã cao hơn một chút so với giá mục tiêu của chúng tôi và đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,9 lần, cao hơn 1,7 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 1,53 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Phí bảo hiểm gốc	42.6	42.6	43.5	44.9	49.6
Phí nhận tái BH	0.21	0.22	0.39	0.40	0.42
Tăng/giảm dự phòng phí chưa được hưởng	(0.19)	(0.14)	(0.32)	(0.39)	(0.43)
Doanh thu phí BH	42.7	42.7	43.6	45.0	49.5
Phí nhượng tái BH	(3.32)	(3.54)	(3.65)	(3.93)	(4.22)
Doanh thu phí BH thuần	39.3	39.1	39.9	41.0	45.3
Doanh thu khác	0.74	0.70	0.78	0.81	0.87
Doanh thu thuần HĐ BH	40.1	39.8	40.7	41.8	46.2
Chi bồi thường bảo hiểm và dự phòng	(38.5)	(36.7)	(34.3)	(34.7)	(38.1)
Chi b.thường BH và chi trả đ.hạn khác (ròng)	(4.08)	(4.08)	(4.45)	(4.52)	(5.46)
Khoản giảm trừ chi phí, thu đòi và thu khác	0	0	0	0	0
Tổng chi phí trực tiếp HĐ BH	(42.6)	(40.8)	(38.8)	(39.2)	(43.5)
Lãi/lỗ gộp HĐ BH	(2.54)	(0.97)	1.96	2.64	2.66
Chi phí quản lý	(6.06)	(7.07)	(9.64)	(10.2)	(10.6)
Lợi nhuận HĐ tài chính	10.7	10.6	11.0	12.3	13.3
LN trong Cty LD, LK	0.10	0.09	0.10	0.09	0.09
Lợi nhuận khác	0.02	0.04	0.02	0.03	0.03
LNTT	2.24	2.66	3.47	4.81	5.46
Chi phí thuế TNDN	(0.38)	(0.47)	(0.62)	(0.87)	(1.04)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.08)	(0.08)	(0.09)	(0.11)	(0.12)
Lợi nhuận thuần	1.78	2.11	2.76	3.83	4.30
EPS (đồng)	2,404	2,843	3,724	5,162	5,796
DPS (đồng)	952	1,000	1,055	1,460	2,023
BVPS (đồng)	28,749	30,434	32,827	36,426	40,082
Slg CP bình quân (triệu đv)	742	742	742	742	742
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	742	742	742	742	742
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	742	742	742	742	742

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng phí BH gốc (%)	(0.75)	(0.11)	2.20	3.25	10.3
Tăng trưởng doanh thu phí BH thuần (%)	(1.41)	(0.55)	2.10	2.70	10.5
Tăng/giảm phí bồi thường và dự phòng (%)	6.61	(4.74)	(6.53)	1.06	9.79
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ tài chính (%)	32.6	(1.33)	4.33	11.5	8.03
Tăng trưởng LNTT (%)	11.3	19.1	30.4	38.5	13.6
Tăng trưởng lợi nhuận thuần (%)	15.1	18.3	31.0	38.6	12.3
Tăng trưởng tổng tài sản (%)	9.64	13.7	9.72	6.33	6.59
Định giá					
P/E (lần)	29.0	24.6	18.7	13.5	12.0
P/B (lần)	2.43	2.29	2.13	1.92	1.74
Lợi suất cổ tức (%)	1.36	1.43	1.51	2.09	2.90

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	4.78	1.46	2.64	4.53	5.00
Đầu tư ngắn hạn	102	104	123	124	132
Phải thu ngắn hạn	12.3	11.5	13.6	13.6	15.0
Hàng tồn kho	0.11	0.10	0.09	0.09	0.09
Tài sản tái BH	3.00	3.56	3.43	3.91	4.42
Tài sản ngắn hạn khác	0.66	0.67	0.66	0.68	0.75
Tổng tài sản ngắn hạn	122	121	144	147	157
Phải thu dài hạn	0.08	0.07	0.09	0.09	0.10
Tài sản cố định	2.24	2.13	1.97	1.97	1.97
Đầu tư vào Cty LD, LK	2.84	2.88	2.90	2.88	2.87
Đầu tư dài hạn khác	93.4	125	127	141	150
Tài sản dài hạn khác	0.18	0.22	0.26	0.27	0.30
Tổng tài sản dài hạn	98.7	130	132	146	155
Tổng tài sản	221	251	276	293	312
Nợ phải trả và VCSH					
Phải trả người bán	2.55	2.46	2.99	3.20	3.49
Phải trả người lao động	1.46	1.70	1.76	1.81	2.00
Phải trả hợp đồng repo	21.9	32.1	37.9	37.9	37.9
Doanh thu chưa thực hiện	0.49	0.64	0.53	0.54	0.60
Nợ ngắn hạn	3.37	2.91	4.32	4.32	4.32
Phải trả ngắn hạn khác	0.47	0.40	0.66	0.68	0.75
Nợ ngắn hạn khác	0.54	0.61	0.70	0.73	0.80
Tổng nợ ngắn hạn	30.8	40.8	48.9	49.2	49.9
Dự phòng nghiệp vụ BH	168	187	201	216	231
Nợ dài hạn	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Nợ dài hạn khác	0.29	0.31	0.31	0.32	0.35
Tổng nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	199	228	250	265	282
Vốn điều lệ	7.42	7.42	7.42	7.42	7.42
Thặng dư vốn cổ phần	7.31	7.31	7.31	7.31	7.31
Quỹ & quỹ dự trữ	3.06	3.85	4.82	5.98	7.59
Lợi nhuận giữ lại	3.55	4.01	4.82	6.33	7.43
Vốn chủ sở hữu	21.3	22.6	24.4	27.0	29.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.92	0.97	1.01	1.07	1.13
Tổng vốn chủ sở hữu	22.3	23.6	25.4	28.1	30.9
Tổng nợ phải trả và VCSH	221	251	276	293	312

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	0.84	0.89	1.05	1.35	1.42
ROAE (%)	8.55	9.61	11.8	14.9	15.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	39.6	35.2	28.3	28.3	34.9
Chỉ số an toàn vốn					
VCSH/Tài sản (%)	9.65	8.99	8.84	9.22	9.52
Tài sản BQ/VCSH BQ (x)	10.1	10.8	11.2	11.1	10.7
Chỉ số HKKD bảo hiểm					
Tỷ lệ tái bảo hiểm (%)	7.77	8.30	8.38	8.74	8.51
Tỷ lệ bảo hiểm giữ lại (%)	92.2	91.7	91.6	91.3	91.5
Tỷ lệ bồi thường (%)	96.2	92.2	84.3	82.9	82.4
Tỷ lệ chi phí (%)	25.3	28.0	34.6	35.3	34.8
Tỷ lệ hỗn hợp (%)	121	120	119	118	117

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn